ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2025/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 26 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trang TTĐT - VP. UBNDT;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải, bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường, nước thải, bụi và khí thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động phát sinh chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3. Các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong quản lý chất thải

1. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành 3 nhóm theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại phải chứa, đựng vào các bao bì và được chuyển giao theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Quản lý nước thải sinh hoạt và khí thải

a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân phải được thu gom, xử lý theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 1 Điều 60 và khoản 4 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Hộ gia đình, cá nhân phải tuân thủ quy định không phát tán khí thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong quản lý chất thải

1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

a) Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình lưu giữ và tổ chức thu gom, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 6 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng được lựa chọn hình thức quản lý và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Điều 81 và khoản 1, khoản 4 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Đối với chất thải nguy hại

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện phân định, khai báo, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý, chuyển giao theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Điều 35, Điều 36, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đối với nước thải

a) Nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phải quản lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải quản lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

c) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ theo quy định tại khoản 4 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

d) Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Đối với bụi, khí thải

Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải quản lý và kiểm soát theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; công trình, thiết bị xử lý khí thải tại chỗ phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

a) Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 32 Thông tư số 02/TT-BTNMT; áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/TT-BTNMT.

2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 5 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu và thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đối với chất thải nguy hại

a) Việc vận chuyển chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 điều 84 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 70 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 36, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cồng kềnh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 6. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải

Đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến xử lý chất thải theo quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể:

1. Được hưởng hỗ trợ về đầu tư xây dựng, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư theo quy định tại Điều 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Được hưởng ưu đãi về thuế, phí và lệ phí theo quy định tại Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp sở, ngành và đơn vị liên quan xây dựng tài liệu và tổ chức tuyên truyền cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân về ý thức, trách nhiệm trong quản lý chất thải.

b) Tăng cường công tác tham mưu trong cấp các thủ tục môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải phải xử lý phải đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định pháp luật.

c) Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với chủ đầu tư dự án, doanh nghiệp hoạt động liên quan đến xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thông tin và chia sẻ các tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong hoạt động quản lý chất thải.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định đưa vào thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về tái chế, xử lý rác thải nhựa thành nguyên liệu, nhiên liệu; sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho sản phẩm nhựa dùng một lần và túi nilông khó phân hủy.

c) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan báo, đài tỉnh cung cấp thông tin, tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý chất thải trong phạm vi khu công nghiệp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra khi phát hiện vi phạm về hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan và địa phương tuyên truyền cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân về ý thức, trách nhiệm trong quản lý chất thải.

b) Thường xuyên theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường; tăng cường thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động, tuyên truyền cho cộng đồng dân cư, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về ý thức, trách nhiệm trong quản lý chất thải.

b) Thường xuyên theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường; tăng cường thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động liên quan đến thải chất thải, hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phải chấp hành nghiêm Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp phản ảnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu và có ý kiến đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.